

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 10 năm 2018
V/v Không công nhận quan hệ vợ
chồng, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến.
2. Bà Bùi Thị Thiềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978. Có đơn xin vắng mặt.
 2. *Bị đơn:* Ông Lưu Xuân P, sinh năm 1972. Có đơn xin vắng mặt.
- Cùng trú tại: Xóm A, thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà chung sống với ông Lưu Xuân P trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu từ ngày 08/5/1996, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông P thường xuyên uống rượu, chửi mắng, đánh đập vợ con nhiều lần. Bà và ông P đã sống ly thân từ cuối năm 2013 cho đến nay. Nay bà H cảm thấy

không còn tình cảm với ông P nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông P.

Về con chung: Bà và ông P có 02 con chung là Lưu Thị X, sinh ngày 08/7/1997 và Lưu Xuân N, sinh ngày 23/12/2001.

Bà H có nguyện vọng để ông P trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Lưu Xuân N. Về cấp dưỡng nuôi con ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Lưu Thị X đã thành niên và phát triển bình thường nên về vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H và ông P tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Bà H và ông P có nợ Ngân hàng N (Ngân hàng N chi nhánh Đ) số tiền nợ gốc 60.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 28/3/2018 là 34.806.667đ. Công nợ này đã được giải quyết tại Bản án số 04/2018/DS-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana đã có hiệu lực pháp luật nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/8/2018 và biên bản hòa giải bị đơn ông Lưu Xuân P trình bày:

Ông P sống chung với bà Nguyễn Thị H trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu từ ngày 08/5/1996, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, về kinh tế không có sự thống nhất, vợ chồng mỗi người một ý nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và rất trầm trọng, không thể khắc phục được, ông bà đã sống ly thân từ cuối năm 2013 cho đến nay. Nay bà H nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông bà thì nguyện vọng của ông P là đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông P và bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là Lưu Thị X, sinh ngày 08/7/1997 và Lưu Xuân N, sinh ngày 23/12/2001.

Ông P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Lưu Xuân N. Không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Lưu Thị X đã thành niên và phát triển bình thường nên về vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông P và bà H tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Ông P và bà H có nợ Ngân hàng N (Ngân hàng N chi nhánh Đ) số tiền nợ gốc 60.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 28/3/2018 là

34.806.667đ. Công nợ này đã được giải quyết tại Bản án số 04/2018/DS-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana đã có hiệu lực pháp luật nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại khoản 8 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các điều 68; 96; 97; 195; 196; 203 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả các đương sự là phù hợp.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình;

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án không công nhận bà H và ông P là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao cháu Lưu Xuân N, sinh ngày 23/12/2001 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông P không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Đối với cháu Lưu Thị X, sinh ngày 08/7/1997 đã thành niên và phát triển bình thường nên về vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Lưu Xuân P. Đây là quan hệ tranh chấp “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn ông Lưu Xuân P hiện đang trú tại: thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 8 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự và tiến hành hòa giải. Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và ông P tự nguyện chung sống với nhau từ ngày 08/5/1996 nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp; Do đó bà H và ông P đề nghị Tòa án tuyên bố bà H và ông P không phải là vợ chồng là phù hợp theo quy định tại Điều 9; Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

- *Về con chung*: Bà H và ông P có 02 con chung là Lưu Thị X, sinh ngày 08/7/1997 và Lưu Xuân N, sinh ngày 23/12/2001. Bà H và ông P đều có nguyện vọng giao cháu Lưu Xuân N, sinh ngày 23/12/2001 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Nguyện vọng của bà H và ông P phù hợp với ý kiến của cháu N là xin được ở với bố, phù hợp với quy định tại Điều 15; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông P không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Bà H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này. Vì lợi ích chung của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Đối với cháu Lưu Thị X, sinh ngày 08/7/1997 đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự làm ăn nuôi sống được bản thân nên vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà H và ông P tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- *Về công nợ chung*: Ông P và bà H có nợ Ngân hàng N (Ngân hàng N chi nhánh Đ) số tiền nợ gốc 60.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 28/3/2018 là 34.806.667đ. Công nợ này đã được giải quyết tại Bản án số 04/2018/DS-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana đã có hiệu lực pháp luật nên không đặt ra giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lưu Xuân P.

2. *Về nuôi con chung:* Giao cháu Lưu Xuân N, sinh ngày 23/12/2001 cho ông Lưu Xuân P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông P không yêu cầu nên không giải quyết. Bà Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích chung của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà H đã nộp tại biên lai số 0005729 ngày 02/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên